

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 của Quốc Hội;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ xây dựng về việc Ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và Giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ hiện trạng thực tế trường THCS Tân Dân,

Ủy ban nhân dân xã Tân Dân kính trình Hội đồng nhân dân xã Tân Dân xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH:

1. Tên dự án: Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân;

2. Dự án nhóm: Nhóm C;

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Dân;

4. Địa điểm xây dựng: xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

5. Tổng mức đầu tư dự kiến: 22.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng./.)

6. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2025;

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1.1. Sự cần thiết đầu tư:

1.1.1. Tổng quan về địa điểm đầu tư, khái quát tình hình kinh tế xã hội có liên quan đến dự án:

Khoái Châu là một huyện đồng bằng, nằm trên bờ tả ngạn của sông Hồng, có vị trí địa lý:

Phía nam và phía đông nam giáp huyện Kim Động

Phía đông giáp huyện Ân Thi

Phía đông bắc và phía bắc giáp huyện Yên Mỹ

Phía tây bắc giáp huyện Văn Giang.

Phía tây giáp các huyện Thường Tín (Hà Nội) với ranh giới là sông Hồng

Phía tây nam giáp huyện Phú Xuyên (Hà Nội) với ranh giới là sông Hồng.

Huyện Khoái Châu có diện tích là 130,98 km² và dân số là 184.802 người. Mật độ dân số đạt 1.411 người/km², chủ yếu là dân tộc Kinh.

Tính đến cuối năm 2015, dân số trung bình của Khoái Châu có 184.802 người, trong đó dân số nông nghiệp là 168.680 người chiếm 91,25%. Số người trong độ tuổi lao động của huyện có 91.419 người, chiếm 49,46% dân số toàn huyện. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân là 88.458 người, chiếm 96,76% lao động trong độ tuổi. Lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu (trên 80%), còn lại là lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - du lịch.

Khoái Châu có địa hình khá phức tạp, cao thấp xen kẽ nhau. Vùng ngoài bãi có địa hình bán lòng chảo dốc dần từ dải cao ven bồi xuống vùng trũng ven đê. Vùng nội đồng nhìn chung có hướng dốc từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.

Trên địa bàn huyện còn có sông Bàn chảy xuôi từ Bàn Yên Nhân, qua Yên Mỹ, Khoái Châu, sang Kim Động. Đầm Dạ Trạch, nằm tại các xã Bình Minh, Dạ Trạch, Hàm Tử, Tứ Dân, Đông Kết, đây vốn là một khúc của sông Hồng trước kia, nay do đổi dòng sang hướng tây mà tạo thành.

Khoái Châu có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, đặc trưng là nóng ẩm mưa nhiều. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau thường lạnh, đầu mùa khí hậu tương đối khô, nửa cuối ẩm ướt và có mưa phùn, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 23 °C, cao nhất 38 - 39 °C, thấp nhất không dưới 5°C.

1.1.2. Tổng quan và hiện trạng xã Tân Dân:

Xã Tân Dân nằm cách huyện lỵ Khoái Châu 2,5 km về phía đông bắc, có vị trí địa lý:

Phía đông và phía bắc giáp huyện Yên Mỹ.

Phía tây giáp xã Dạ Trạch và xã An Vĩ và xã Ông Đình.

Phía nam giáp xã Dân Tiến.

Xã Tân Dân có diện tích 10,61 km², dân số năm 1999 là 13.205 người[1], mật độ dân số đạt 1.245 người/km².

1.1.3. Sự cần thiết phải đầu tư:

Trong những năm gần đây, được sự chỉ đạo đúng hướng của lãnh đạo các cấp, cùng với sự đóng góp của nhân dân trong xã đã phát huy được sức mạnh tập thể, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, kinh tế, giáo dục từng bước phát triển, diện mạo phường đã có nhiều đổi mới, lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền càng thêm mạnh mẽ.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, hạ tầng của xã chưa được đồng bộ, một số hạng mục còn thiếu. Trong đó, trường THCS Tân Dân là một ví dụ điển hình. Trường THCS Tân Dân hiện có 01 khối nhà hiệu bộ và 01 khối nhà lớp học đã xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp và không đảm bảo tiêu chuẩn và công năng sử dụng. Hiện nhà trường đã được đầu tư thêm 01 khối nhà lớp học 3 tầng 18 phòng kang trang nhằm phục vụ nhu cầu học tập của con em trong vùng. Nhưng hiện tại nhà trường chưa có khối phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn nhằm phục vụ nhu cầu học tập của học sinh. Trước thực trạng trên, việc đầu tư xây dựng công trình **Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân** là vô cùng cấp thiết.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

- Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn.

- Phù hợp với khả năng vay, trả nợ công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương.

- Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

- Đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Phù hợp với Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật nông thôn mới xã Tân Dân.

- Phù hợp Quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội xã Tân Dân, huyện **Khoái Châu**.

2. Mục tiêu, quy mô, giải pháp kỹ thuật, địa điểm và phạm vi đầu tư;

2.1. Mục tiêu:

- Đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu học tập của con em và môi trường làm việc cho tập thể giáo viên trong trường.

- Việc xây mới công trình nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu học tập giảng dạy, góp phần thay đổi diện mạo mới của địa phương, làm cho xã Tân Dân ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn.

2.2. Quy mô và giải pháp kỹ thuật xây dựng:

a. Quy mô:

Phá dỡ khối nhà hiệu bộ đã xuống cấp;

* **Nhà hiệu bộ:** Nhà hiệu bộ 03 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 662,58 m², tổng diện tích chiếm đất 287 m². Bố cục mặt bằng công năng như sau:

NHÀ HIỆU BỘ						Thiết kế lựa chọn	TCVN 8794-2022
Tên phòng		Dài	Rộng	Số lượng			
Hành lang trước	:	25,5	2,4	3	m	183,6	m ² Chiều rộng >2,1m
WC	:	3,6	6	3	m	64,8	m ²
Phòng khách	:	3,6	6	1	m	21,6	m ² Diện tích ≥ 18m ²
Phòng hiệu phó	:	3,6	6	1	m	21,6	m ² Diện tích ≥ 12m ²
Phòng đoàn đội	:	3,6	6	1	m	21,6	m ² Diện tích 0,03m ² /hs
Phòng TB Giáo dục	:	3,6	6	1	m	21,6	m ²
Phòng kế toán + văn thư	:	3,6	6	1	m	21,6	m ² Diện tích ≥ 15m ²
Phòng Hiệu trưởng	:	3,6	6	1	m	21,6	m ² Diện tích ≥ 15m ²
Phòng tổ KHTN	:	3,6	6	2	m	43,2	m ² Diện tích ≥ 30m ²
Phòng tổ KHXX	:	3,6	6	2	m	43,2	m ² Diện tích ≥ 30m ²
Phòng truyền thống	:	3,6	6	2	m	43,2	m ² Diện tích ≥ 48m ²
Phòng Hội đồng	:	3,6	6	3	m	64,8	m ² Diện tích 1.4 đến 1,8m ² /Gv
Sảnh	:	3,75	3,6	1	m	13,5	m ²
Sảnh tầng 2,3	:	0,9	3,6	2	m	6,48	m ²
Gian thang	:	3,9	6	3	m	70,2	m ²
Cộng:						662,58	m ²

* **Nhà lớp học bộ môn:** Nhà lớp học bộ môn 03 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.239,3 m², tổng diện tích chiếm đất 473 m². Bố cục mặt bằng công năng như sau:

NHÀ LỚP HỌC BỘ MÔN						Thiết kế lựa chọn	TCVN 8794-2022	
Tên phòng		Dài	Rộng	Số lượng				
Hành lang trước	:	40,5	2,4	3	m	291,6	m2	Chiều rộng >2,1m
WC	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	
Phòng Công nghệ	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	S ≥ 60m2; Tiêu chuẩn ≥ 2,25 m2/Hs
Phòng Âm nhạc + Mỹ thuật	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	
Phòng Khoa học xã hội	:	7,8	4,5	2	m	70,2	m2	S ≥ 60m2; Tiêu chuẩn ≥ 1,5 m2/Hs
Phòng nghỉ giáo viên	:	7,8	4,5	1	m	35,1	m2	S ≥ 12m2
Phòng Tin học	:	7,8	4,5	2	m	70,2	m2	S ≥ 60m2; Tiêu chuẩn ≥ 1,85 m2/Hs
Phòng Khoa học tự nhiên	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	
Phòng Đa chức năng	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	
Phòng Ngoại ngữ	:	7,8	4,5	2	m	70,2	m2	
Phòng GD truyền thông + Thư viện	:	7,8	4,5	2	m	70,2	m2	S ≥ 60m2; Tiêu chuẩn ≥ 0,6 m2/Hs
Gian thang	:	7,8	4,5	3	m	105,3	m2	
Cộng:						1239,3	m2	

Rãnh thoát nước, hố ga thoát nước: Xây mới khoảng 210m rãnh thoát nước; khoảng 10 hố ga thoát nước;

Một số hạng mục phụ trợ khác;

b. Giải pháp thiết kế:

* **Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn:** Sử dụng phương án móng cọc BTCT đá 1x2 mác 200#, tiết diện cọc 250x250 đúc sẵn. Đài cọc, dầm móng đỡ BTCT mác 250# đá 1x2cm, lót móng bằng bê tông đá 2x4cm mác 100 dày 10 cm (Phương án móng có thể thay đổi sau khi có kết quả khảo sát địa chất thực tế). Tường cổ móng xây gạch không nung đặc, dầm, sàn bằng hệ khung bê tông cốt thép toàn khối cấp độ bền B20 (M250). Tường bao che, ngăn phòng xây gạch không nung, trát VXM M75#, hoàn thiện bằng sơn 3 lớp, 1 nước lót, 2 nước phủ. Nền sàn lát gạch Granite KT: 600x600 mm, khu vệ sinh lát gạch Granite chống trơn KT: 300x300 mm, tường ốp gạch Granite KT: 300x600mm. Mái xây tường gạch thu hồi, xà gồ thép hình sơn chống gỉ, lợp mái bằng tôn LD sóng vuông, dày 0,42mm màu đỏ đậm. Lan can sắt hộp sơn tĩnh điện. Cửa đi, cửa sổ, vách kính

bằng nhôm hệ. Hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn hiện hành.

* Hạng mục phụ trợ:

- Hồ ga, rãnh thoát nước: Hồ ga, rãnh thoát nước xây bằng gạch không nung VXM M75, bê tông lót bồn M100 đá 2x4, trát tường thành hồ ga, rãnh thoát nước bằng VXM M75; Tấm đan hồ ga, rãnh thoát nước sử dụng kết cấu BTCT M250;

Và một số hạng mục phụ trợ liên quan khác;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Căn cứ lập Tổng mức đầu tư:

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về việc Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Các báo giá tham khảo khác.

3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư: **22.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng./.)**

3.3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ
- Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3.4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

Thực hiện theo sự phân công quản lý của nhà nước đối với các dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

4.1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện:

a. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Quý IV/2023: **Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình, thẩm định và phê duyệt Chủ trương đầu tư;**

- Quý IV/2023: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế cơ sở và dự toán thiết kế cơ sở, trình thẩm định, phê duyệt dự án;

- Quý I/2024: Lập bản vẽ thi công và dự toán, trình thẩm định, phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán;

b. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Quý I/2024: Trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn các nhà thầu Thi công, giám sát, quản lý dự án...

- Quý I/2024: Triển khai tổ chức lựa chọn các nhà thầu

- Quý I/2024: Triển khai thực hiện thi công xây dựng công trình;

c. Giai đoạn kết thúc đầu tư:

- Quý III/2025: Bàn giao công trình đưa vào vận hành, sử dụng;

- Quý III/2025: Kiểm toán, báo cáo quyết toán dự án;

- Quý IV/2025: Quyết toán dự án.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

Bảo trì, vận hành theo quy định hiện hành của nhà nước và hợp đồng xây dựng sẽ ký kết của dự án

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

6.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội:

Trong quá trình thi công xây dựng sẽ có những ảnh hưởng một phần tới môi trường của xung quanh. Trước hết đó là ảnh hưởng do tiếng ồn và bụi bặm do máy thi công, vật liệu xây dựng và do trong quá trình thi công gây ra; ảnh hưởng do chất thải rắn, chất thải sinh hoạt và thi công.

Mặt khác, trong quá trình thi công và sử dụng sẽ có một lượng công nhân tập trung cũng có thể làm xáo trộn về mặt xã hội cho khu vực trường học cũng như địa phương... Tuy nhiên, phạm vi và quy mô thực hiện dự án là rất nhỏ nên các ảnh hưởng hoặc tác động đến môi trường là không lớn, không phải can thiệp nhiều.

Tất cả các ảnh hưởng sẽ có các giải pháp thực hiện triệt để và đồng bộ để đảm bảo cho sự hoạt động ổn định của trung tâm và dân cư xung quanh, đảm bảo chất lượng môi trường tốt, tránh những tác động tiêu cực xảy ra.

6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

Đây là một dự án có tính chất, mục tiêu sử dụng và là một sản phẩm vô hình đặc biệt. Hiệu quả kinh tế được đánh giá bằng những lợi ích xã hội mà nó mang lại trong một tương lai lâu dài.

7. Phân chia các dự án thành phần: không

8. Giải pháp tổ chức thực hiện:

8.1. Các nội dung công việc cần thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Khảo sát hiện trạng và lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu, thỏa thuận với các đơn vị liên quan để phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình;

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn;
- Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình;
- Trình thẩm định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.
- Những nội dung chuẩn bị đầu tư khác (nếu có).

8.2. Các nội dung công việc cần thực hiện trong giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Tổ chức thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình theo quy định;
- Triển khai thi công xây dựng công trình;
- Bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

8.3. Các nội dung công việc cần thực hiện trong giai đoạn khai thác sử dụng:

- Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy định.

Vậy, Ủy ban nhân dân xã Tân Dân kính trình Hội đồng nhân dân xã Tân Dân xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- HĐND xã Tân Dân;
- Lưu: VP.

Đỗ Xuân Huấn